



DOI:10.22144/ctujos.2026.140

## TỪ SỰ LIỆU ĐẾN AM MÂY NGŨ CỦA THIỀN SƯ THÍCH NHẤT HẠNH

Hồ Ngọc Thiện\*

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ (Corresponding author): 2103hothien@gmail.com

### Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 22/09/2025

Sửa bài (Revised): 30/09/2025

Duyệt đăng (Accepted): 12/05/2026

**Title:** From historical materials to Hermitage Among the Clouds by Zen Master Thich Nhat Hanh

**Author(s):** Ho Ngoc Thien\*

**Affiliation(s):** University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City, Viet Nam

### TÓM TẮT

Bài viết này tập trung tìm hiểu sự sáng tạo của tác giả Thích Nhất Hạnh đối với nhân vật Huyền Trân - Hương Tràng trong tác phẩm *Am mây ngũ* so với chính sử và ý nghĩa của những sáng tạo đó. Tác phẩm được khảo sát chủ yếu từ góc độ nhân vật, lịch sử - xã hội qua hai mục chính là giải dân tộc trung tâm luận và thức nhận lí duyên sinh. Với hai mục này, những giá trị cơ bản của tác phẩm được trình bày ở việc tái hiện một nhân vật lịch sử, góp phần hóa giải quan niệm Hoa Di, nêu cao tình huynh đệ, sự tôn trọng và phát dương tinh thân tinh thức, từ bi của đạo Phật trên cơ sở lí duyên sinh.

**Từ khóa:** Am mây ngũ, Huyền Trân, Thích Nhất Hạnh, tiểu thuyết lịch sử

### ABSTRACT

This article aims to explore the author Thich Nhat Hanh's creativity in the character Huyen Tran - Huong Trang in the work *Hermitage Among the Clouds*, compared to the official history, and the meaning of those creations. The work is mainly investigated from the perspective of the character, history, and society through two main sections: de-ethnocentrism and understanding the principle of dependent origination. With these two sections, the article shows the basic values of the work, in recreating a historical character, contributing to resolving the concept of Hoa Di, promoting brotherhood, respect, and promoting the spirit of awakening and compassion of Buddhism based on dependent arising.

**Keywords:** *Hermitage Among the Clouds*, historical novel, Huyen Tran, Thich Nhat Hanh

## 1. GIỚI THIỆU

Thích Nhất Hạnh (1926 - 2022) là một tu sĩ Phật giáo và là một tác giả có tầm ảnh hưởng lớn trên thế giới. Với hơn 100 đầu sách trên tinh thần đạo Phật dân thân, ông đã góp phần quan trọng vào việc lan tỏa những giá trị thiết thực của thực tập thiền - chánh niệm trong đời sống hàng ngày ở các quốc gia phương Tây. *Am mây ngũ*, một trong những tác

phẩm văn xuôi sớm nhất của ông, đã ngưng kết điều đó. Tác phẩm được xuất bản lần đầu bằng tiếng Anh với tựa đề *Hermitage Among the Clouds* vào năm 1982, đến năm 2016 thì được xuất bản bằng tiếng Việt với tựa đề *Am mây ngũ*. Tác phẩm gồm 10 chương, kể về câu chuyện của công chúa Huyền Trân – người con gái duy nhất của vua Trần Nhân Tông với hai tư cách là công chúa triều Trần và ni sư Hương Tràng.

Nếu 5 chương đầu là sự hồi tưởng của Huyền Trân về thời gian chưa đầy 2 năm kể từ khi nghe tin được gả cho vua Chiêm Thành đến lúc được đưa trở về Đại Việt, thì 5 chương sau lại là đời sống xuất gia, tu đạo của ni sư Hương Tràng ở chùa Nộn Sơn trong mối quan hệ khăng khít với bạn đồng tu và những người dân quanh đó. Qua *Am mây ngủ*, thiển sư Thích Nhất Hạnh đã cho người đọc một cái nhìn sâu về nhân vật lịch sử Huyền Trân - Hương Tràng. So với những trình bày sơ sài, ít ỏi của chính sử, tác phẩm là một kiến giải có giá trị, không chỉ đối với bản thân nhân vật mà còn với những sự kiện xung quanh.

Tương ứng với hai tư cách của nhân vật, có hai vấn đề nổi bật đã được tác giả nêu lên: thứ nhất, lí do gả công chúa Huyền Trân cho vua Chế Mân; và thứ hai, hành trạng của ni sư Hương Tràng. Gắn với hai vấn đề trên đây, độ “chênh” giữa sử liệu và những gì tác giả Thích Nhất Hạnh trình bày trong *Am mây ngủ* và ý nghĩa của độ “chênh” ấy là tâm điểm nghiên cứu của bài viết với hướng tiếp cận liên ngành giữa văn học (trên phương diện nhân vật) và lịch sử, triết học, lần lượt qua hai mục: giải dân tộc trung tâm luận và thức nhận lí duyên sinh.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Giải dân tộc trung tâm luận

Với tư cách công chúa triều Trần - hoàng hậu nước Chiêm Thành, trải nghiệm làm dâu của công chúa Huyền Trân trên đất Chiêm Thành dẫu ngắn ngủi (cùng với ứng xử của một số nhân vật khác) dưới ngòi bút của tác giả Thích Nhất Hạnh đã phần nào tháo gỡ những phân biệt - kì thị dân tộc được nói dài bởi chính sử Đại Việt.

Trước hết, về mặt khái niệm, có thể hiểu dân tộc trung tâm luận là khuynh hướng đánh giá những nền văn hóa khác dựa trên tiêu chuẩn, giá trị của một nền văn hóa nhất định, thường dẫn đến những nhận thức về sự ưu trội của nền văn hóa được lấy làm chuẩn (EBSCO, 2013). Từ cách hiểu này thì giải dân tộc trung tâm luận là nỗ lực hóa giải sự phân cấp văn hóa, đồng thời thúc đẩy sự thấu hiểu, lòng khoan dung và thái độ tôn trọng sự khác biệt giữa các dân tộc.

Ở phương Đông vào thời phong kiến, quan niệm Hoa Di xuất phát từ Trung Hoa là điển hình của dân tộc trung tâm luận. Theo quan niệm này, có một sự phân cấp cao thấp rõ rệt về văn hóa, văn minh giữa vùng đất hay dân tộc “Hoa”, “Hạ” ở vị trí trung tâm, có lẽ giáo so với các sắc dân Nam Man, Đông Di, Tây Nhung, Bắc Địch ở bốn phía xung quanh thường được xem là không có văn hóa. Một mặt

phản kháng với quan niệm Hoa Di – “bất tón Hoa Hạ”, các triều đại phong kiến tự chủ của Đại Việt mặt khác tiếp thu quan niệm Hoa Di, “thiết lập riêng một hệ thống tông chủ - phiên thuộc đối với các vùng đất và quốc gia phương Nam.” (Đức, 2013, tr.27). Trong bài viết này, quan niệm Hoa Di được xem xét chủ yếu ở quan hệ giữa Đại Việt và Chiêm Thành vào thời vua Trần Anh Tông và thượng hoàng Trần Nhân Tông, xung quanh lí do gả công chúa Huyền Trân cho vua Chế Mân nước Chiêm Thành.

Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản in năm 1697), vào năm 1301, thượng hoàng Nhân Tông vân du các nơi, sang Chiêm Thành vào tháng 3 (Liên, 2011, tr.86), đến tận tháng 11 mới trở về (Liên, 2011, tr.87). Thế rồi 4 năm sau đó, tức vào năm 1305:

Tháng 2, Chiêm Thành sai Chế Bô Đài và bộ đảng hơn trăm người dâng hiến vàng bạc, hương quý, vật lạ làm lễ vật cầu hôn. Các quan trong triều cho là không nên, duy có Văn Túc vương Đạo Tái chủ trương bàn việc đó, Trần Khắc Chung tán thành, việc bàn mới quyết (Liên, 2011, tr.90).

Sang năm 1306:

Mùa hạ, tháng 6, gả công chúa Huyền Trân cho chúa Chiêm Thành Chế Mân. Trước đây, Thượng hoàng vân du sang Chiêm Thành, đã hứa gả rồi. Các văn sĩ trong triều ngoài nội nhiều người mượn chuyện vua Hán đem Chiêu Quân gả cho Hung Nô làm thơ, từ bằng quốc ngữ đề châm biếm việc đó (Liên, 2011, tr.91).

Sự chế giễu, châm biếm của các văn sĩ Nho học trong và ngoài triều được nói dài đến cả *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (bản in năm 1884) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007, tr.551).

Có thể xem quan niệm của sử thần Ngô Sĩ Liên là đại biểu cho khuynh hướng phản đối ấy:

Ngày xưa, Hán Cao hoàng vì nước Hung Nô nhiều lần làm khổ biên cương, mới lấy con gái nhà dân làm công chúa gả cho Thiển Vu. Kết hôn với người không cùng giống nòi, các tiên nho đã từng chê trách, song dụng ý là muốn binh yên, dân nghỉ, thì còn có thể nói được. Nguyên Đế thì vì Hồ Hàn sang châu, xin làm rể nhà Hán, nên lấy Vương Tường mà ban cho, cũng là có cớ. Nhân Tông đem con gái gả cho chúa Chiêm Thành là nghĩa làm sao? [...] (Liên, 2011, tr.91).

Không chỉ triều thần, mà trong dân gian cũng có sự phân đôi. Họ tỏ rõ ý kì thị về cuộc hôn nhân giữa công chúa Huyền Trân và vua Chế Mân, qua lời ca dao: “Tiếc thay cây quế Châu Thường./ Đề cho người Mán, người Mường nó leo.” (Thoại, 1959,

tr.73) hay “Tiếc thay hạt gạo trắng ngần./ Đã vo nước đục, lại vắn than rom.” (Phan, 2023, tr.311).

Rõ ràng chính sự phản ứng khá gay gắt của giới quan lại (và dân gian) lúc bấy giờ về quyết định gả một công chúa Đại Việt cho một ông vua Chiêm Thành đã gợi ý về những tiền giả định khả hữu vừa ngầm ẩn vừa công khai trong tâm thế những con người Đại Việt đương thời. Đồng tình với lí giải của nhiều nhà nghiên cứu, nguyên cơ sở bản cho phản ứng của chính sử được xác định có liên hệ mật thiết với quan niệm Hoa Di: (1) Xem đất nước (dân tộc) Chiêm Thành là “Man Di” – chứng tỏ Đại Việt có ưu thế về văn hóa, văn minh như là nguyên nhân sâu xa và (2) Tự tôn vị thế quốc gia sau chiến thắng quân Nguyên Mông – chứng tỏ Đại Việt có ưu thế về quân sự, chính trị như là nguyên nhân trực tiếp.

Trong *Am mây ngủ*, tác giả Thích Nhất Hạnh đã nỗ lực hóa giải hai phương diện nêu trên của quan niệm Hoa Di bằng trải nghiệm của công chúa Huyền Trân trên đất Chiêm Thành và hành xử của Trúc Lâm Đại sĩ trước và sau cuộc hôn nhân đặc biệt.

Thứ nhất, để hóa giải quan niệm xem Chiêm Thành là “Man Di” – xem văn hóa Chiêm Thành thấp cấp hơn Đại Việt, bằng trải nghiệm sống của Huyền Trân công chúa với tư cách hoàng hậu chúa Chiêm, tác giả đã cho thấy sự giàu có của văn hóa Chiêm Thành, cả về văn vật lẫn văn hiến.

Về văn vật, bằng cái nhìn có chiều hướng lên của Huyền Trân, một vương quốc Chiêm Thành tráng lệ đã hiện ra với những đền tháp hùng vĩ, nguy nga, những người dân ăn mặc đẹp mắt và đời sống lao động phong phú:

Huyền Trân vừa hỏi hớp mà cũng vừa tò mò. Nàng luôn luôn nhìn ra ngoài kiệu để quan sát. Thịnh thoảng nàng thấy những tòa tháp lớn xây dựng trên một đỉnh đồi, kiến trúc rất lạ. Dân chúng ăn mặc không giống như Đại Việt. Có rất nhiều người mặc xiêm y bằng lụa hai ba màu trông rất đẹp (Hạnh, 2023, tr.30).

Ngược mắt nhìn lên, Huyền Trân thấy cung điện nguy nga, kiến trúc lạ kỳ, xây dựng toàn bằng đá ong và gạch nung. Trước sân điện, có hai hàng voi đá và nghệ đá. Quân sĩ đứng dàn ra hai bên để Vua Chiêm Thành tiến đến (Hạnh, 2023, tr.31).

Nàng được đi thăm các ruộng lúa, các ruộng muối, các nhà dệt lụa, các làng đánh cá. Huyền Trân nhận ra rằng bờ biển Chiêm Thành rất nhiều cá và dân Chiêm Thành là những ngư dân thiện nghệ. Họ chế tạo những chiếc ghe nhẹ có thể đi rất mau trên biển. Những dân duyên hải nào cũng bơi lội giỏi,

cũng là những thủy thủ khéo léo (Hạnh, 2023, tr.34-35).

Về mặt văn hiến, do thụ hưởng từ văn hóa, văn minh Ấn Độ, văn nghệ Chiêm Thành với sự mới lạ, quyến rũ và lịch sử dài lâu đã làm say lòng người công chúa Đại Việt, coi nói dần trải nghiệm thâm mĩ của nhân vật, từ ngạc nhiên, ngỡ ngàng đến cảm mến, say mê:

Suốt ba ngày ba đêm, cả nước mở hội ăn mừng. Nhã nhạc vang lừng cung điện. Đêm thứ nhất, một đoàn kịch nhạc trình diễn ngay trên sân điện, kịch bản Mahabharata dưới ánh đuốc sáng rực trời. [...] Đêm thứ hai, đoàn hát trình diễn tuồng Ramayana. [...] Đêm thứ ba, vũ nữ Chiêm Thành trình bày những vũ khúc dân tộc. Vũ nữ Chiêm Thành không mặc tha thướt như ở Đại Việt. Những cánh tay trần và những bắp chân trần của họ được phục sức bằng những chuỗi hạt cườm, cỏ và bông cũng vậy. Thân hình họ uyển chuyển, điệu múa của họ rất mềm, nhất là những cánh tay của họ. Ban đầu Huyền Trân cảm thấy hơi ngỡ, nhưng ngay sau đó nàng thấy được tất cả cái đẹp của vũ nghệ Chiêm Thành. Nàng say mê nhìn (Hạnh, 2023, tr.31-32).

Nhờ tham gia sâu vào không gian văn hóa Chiêm Thành vừa với tư cách công chúa Đại Việt vừa với tư cách hoàng hậu Paramecvari, Huyền Trân nhận ra rằng văn hóa Đại Việt đã có vay mượn, tiếp biến văn hóa Chiêm Thành ở một số phương diện, mà nổi bật là vũ nghệ, vũ khúc. Một thế ngang bằng về văn hóa giữa hai đất nước được chủ đích thiết lập trong cái nhìn đối sánh của Huyền Trân:

Tết Chiêm Thành nhằm đúng vào ngày mùng một tháng Mười một của lịch Đại Việt. [...] Vua đưa Hoàng hậu tới dự những cuộc vui dân dã. Huyền Trân nhận thấy một số điệu hò về có vẻ quen thuộc, phảng phất âm hưởng Đại Việt. Nàng chợt nhớ ra rằng trong quá khứ có nhiều điệu hát và điệu vũ tại Đại Việt đã được các Vua Lý đem từ Chiêm Thành về. [...] Nàng thấy dân quê sử dụng các thứ đàn *rasap* (rabap – tác giả bài viết lưu ý) và đàn *kanh* (kanyi hoặc kanhi – tác giả bài viết lưu ý) tương tự như đàn nhị của người Việt. Đàn *campi* (champi – tác giả bài viết lưu ý) thì giống như đàn tranh và đàn *kaping* (kopin hoặc kopil – tác giả bài viết lưu ý) thì lại giống đàn bầu. Người Chiêm Thành cũng dùng trống *kinang* (ginang – tác giả bài viết lưu ý) tương tự như trống com của Đại Việt (Hạnh, 2023, tr.36-37).

Bên cạnh nhận thức về những giao điểm văn hóa trong khi nỗ lực trải nghiệm văn hóa Chiêm Thành như một người nội tộc, Huyền Trân cũng đã dần thân

vào đời sống Chiêm Thành như một thường dân. Nhân vật dường như có ý hướng phá bỏ những phân chia về địa vị khi quan tâm, săn sóc những trẻ em đau mắt nơi thôn quê, nơi nàng nhận thấy có những cảnh ngộ tương đồng như ở Đại Việt (Hạnh, 2023, tr.35-36).

Chính từ đây, từ “Nước Chiêm Thành đối với Công chúa là một cái gì hoàn toàn xa lạ.” (Hạnh, 2023, tr.14), tình yêu của Huyền Trân dành cho vua Chiêm Thành nói riêng và dân chúng xứ này nói chung đã nảy nở nhanh chóng. Nó triển nở tự nhiên như một thứ tình cảm thuộc về gia đình, quê hương. Bởi lẽ giữa những khác biệt có thể nhìn ra, Huyền Trân vẫn tìm thấy được những cảnh ngộ được chia sẻ bởi hai dân tộc. Vượt trên tất cả là nỗi đau chiến tranh và mơ ước hòa bình. Vì thế, khi được vua Chế Mân kể về lịch sử bị thương từng bị Chân Lạp và Đại Việt xâm chiếm cùng những thảm cảnh khủng khiếp kèm theo, Huyền Trân đã không cảm được nước mắt:

Harijit kể lại tất cả những điều đó với một giọng trầm buồn. Hoàng hậu Paramecvari ôm mặt khóc. Nàng không ngờ giữa hai nước Chiêm - Việt đã có những giai đoạn lịch sử đau thương đến thế. Hồi còn bé, Huyền Trân đã được nghe nói về những cuộc chiến tranh Chiêm - Việt và nàng cứ nghĩ rằng tất cả tội lỗi là do người Chiêm Thành gây nên. [...] Có thể là người Chiêm Thành hiếu chiến và ưa khiêu khích thật nhưng điều này có thể phát sinh từ một mối căm hận lâu đời. Họ khó mà quên được rằng một phần đất của đất nước họ nay trở thành lãnh thổ Đại Việt (Hạnh, 2023, tr.40).

Tự nơi nội tâm nhân vật đã cất lên tiếng nói phản biện mang tinh thần hòa giải, hòa bình, bởi suy cho cùng lịch sử Huyền Trân cảm nhận là kết quả tương tác của giọng kể, khát vọng và số phận của hai dân tộc mà bản thân nàng (với cuộc hôn nhân với vua Chế Mân) là một cầu nối:

Dòng máu Đại Việt còn luân lưu trong huyết quản của nàng, nhưng nàng đã bắt đầu thương mến dân Chiêm Thành như là thương mến dân Việt. Nàng thấy sự sống của người dân Chiêm Thành không khác gì sự sống của người dân Việt, cả hai dân tộc cùng đau những nỗi đau như nhau, cùng buồn những nỗi buồn như nhau, cũng ao ước những nỗi ao ước như nhau. Trái tim nàng đã hé mở, đã bao dung được cả hai dân tộc (Hạnh, 2023, tr.41).

Trước những chuyển biến về mặt tâm lý đó, Huyền Trân đã tự thức nhận sứ mệnh của bản thân, về thực chất là thông cảm sâu sắc cho nỗi lòng của người cha - người tu sĩ áo vải trên đỉnh Yên Tử xa

xã. Từ địa vị của một nàng công chúa, ngay từ đầu, cuộc hôn nhân này có thể không như mong đợi, nhưng với những trải nghiệm trên đất Chiêm Thành, ý nghĩ của nhân vật sau đó rõ ràng vừa là “sự giác ngộ về nghĩa vụ thần dân, muốn đem thân mình để đền ơn bậc sinh thành và báo đền xã tắc.” (Khải, 2023, tr.47), vừa là sự tự nguyện phụng hiến được hun đúc bởi lòng thương yêu và tôn trọng:

Phải làm sao duy trì bồi đắp nền hòa bình Chiêm Việt, tránh cho dân của cả hai nước những cuộc tàn hại như trong quá khứ. [...] Nàng lau khô nước mắt, và ngược lên nhìn Vua Chiêm Thành, nàng nói cho Harijit biết ý tưởng đó của nàng. Vua Chiêm Thành hiểu được tâm trạng của nàng Công chúa Đại Việt, và cầm lấy tay Hoàng hậu, trang trọng như đang nắm giữ một vật gì quý báu nhất đời (Hạnh, 2023, tr.42).

Thứ hai, để hóa giải quan niệm xem Đại Việt vượt trội hơn Chiêm Thành về mặt quân sự sau chiến thắng oanh liệt trước quân Nguyên Mông như là động lực trực tiếp của ý định tấn công Chiêm Thành để mở rộng lãnh thổ, tác giả Thích Nhất Hạnh thông qua hành trạng, suy nghĩ của Đại sĩ Trúc Lâm – người anh hùng dân tộc đã lãnh đạo quân dân Đại Việt hai lần chiến thắng quân Mông Nguyên, và cũng là vị Tổ sư thứ nhất của thiền phái Trúc Lâm mang bản sắc dân tộc, được trình bày đan xen với trải nghiệm của Huyền Trân đã cho thấy Chiêm Thành là một đất nước ngoan cường, tự lực, đồng thời đề cao tình huynh đệ giữa hai quốc gia, dân tộc.

Về quan hệ giữa Chiêm Thành và Đại Việt trong khoảng thời gian 5 đời vua đầu của nhà Trần, theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Chiêm Thành thần phục Đại Việt và theo lệ 3 năm sang cống 1 lần. Thế nhưng tình hình vẫn không yên. Vào các năm 1252 (đời Thái Tông) (Liên, 2011, tr.24), 1311 (đời Anh Tông) (Liên, 2011, tr.97) và 1318 (đời Minh Tông) (Liên, 2011, tr.104), Đại Việt mang quân sang đánh Chiêm Thành với lí do Chiêm Thành những nhiều biên giới và vua Chiêm phản trắc. Trên thực tế, sau 3 lần chiến thắng quân Nguyên Mông, uy thế của Đại Việt trong khu vực là rất lớn. Vì thế, nhu cầu an định biên giới và hơn thế là mở rộng lãnh thổ lại càng trở nên bức thiết hơn. Theo nhà văn Hoàng Quốc Hải:

Hầu hết tướng sĩ đều gây sức ép lên triều đình muốn tấn công chinh phục Chăm-pa để mở rộng đất đai về phương Nam. Hàng vạn binh lính cùng các tướng lĩnh đồn trú về phía biên giới với Chăm-pa để thị uy sức mạnh, khiến nước Chăm-pa bất an, phải cử đoàn sứ thần sang Thăng Long thương thuyết, đề nghị triều đình Đại Việt chỉ đạo tướng lĩnh biên ai

không khiêu khích, không tấn công Chăm-pa (Khôi, 2022).

Tuy nhiên, vốn là một ông vua nhân từ, lại là bậc xuất gia tu hành theo đạo Phật, thượng hoàng Nhân Tông - Trúc Lâm Đại sĩ tất nhiên không muốn một cuộc chiến tranh nào xảy ra giữa hai dân tộc. Bằng tài năng xuất chúng và tấm lòng từ bi, “Trần Nhân Tông là ông vua duy nhất đã thiết lập được mối quan hệ hữu hảo với Chăm Pa” (Dương, 2005, tr.65) cả trong sử sách lẫn trên trang viết của thiền sư Thích Nhất Hạnh.

Trong những hồi tưởng của Huyền Trân về hành trạng, lời dạy của Đại sĩ Trúc Lâm, đất nước Chiêm Thành với vị vua anh vũ và chiến thắng vang dội trước quân đội Nguyên Mông đã lập lánh hiện ra bằng giọng than phục, ngợi ca, không chỉ từ điểm nhìn của công chúa Đại Việt, mà còn từ tấm lòng của ông vua, thượng hoàng Nhân Tông - vị chân tu trên đỉnh Yên Tử. Điều này một mặt cho thấy cũng giống như Đại Việt, Chiêm Thành là một đất nước tự cường, có vua hiền tướng giỏi, mặt khác khẳng định Chiêm Thành ngang hàng với Đại Việt về mặt quân sự, chính trị:

Ngài đã tìm hiểu về nếp sống văn hóa và phong tục của vương quốc này và đã đem lòng yêu mến ông Vua Chiêm Thành còn trẻ tuổi và can trường ấy. Harijit là một ông Vua thông minh. [...] Chính nhờ vào tài đàm lược của chàng mà Chiêm Thành phá vỡ được âm mưu xâm lăng của quân đội Hốt Tất Liệt (Hạnh, 2023, tr.12).

Trúc Lâm Đại sĩ đã nói với Vua Chế Mân rằng ngài rất mừng khi thấy cuộc kháng chiến của Chiêm Thành đạt được thắng lợi về vang và quân binh Hốt Tất Liệt đã phải rút về (Hạnh, 2023, tr.56).

Không chỉ xem trọng Chiêm Thành như một quốc gia độc lập, mà qua lời kể của vua Chế Mân cho công chúa Huyền Trân về thời gian lưu trú của Đại sĩ tại Chiêm Thành, tấm lòng của Ngài còn hướng về những số phận riêng lẻ, bình thường của đất nước này bằng thứ tình thương không phân biệt, không vụ lợi. Điều đó gợi ý rằng quyết định gả công chúa Huyền Trân cho vua Chế Mân có thể về cơ bản không xuất phát từ mục tiêu mở rộng lãnh thổ mà trước nhất là thiết lập và bồi đắp tình huynh đệ hữu hảo:

Đó là một tiếng nói của trái tim, của tình thương. Thượng hoàng đem con mình mà phú thác cho Vua Chiêm Thành, đó cũng là đem trái tim của mình mà phú thác cho dân Chiêm Thành (Hạnh, 2023, tr.56-57).

Phải nói rằng “Tư tưởng ngoại giao sẵn sàng hợp tác với nước nhỏ láng giềng” đã được thượng hoàng Nhân Tông rất coi trọng (Tâm, 2024, tr.40). Với đường lối ngoại giao thâm trầm tình thương và tôn trọng ấy, nhân vật đã đi trên con đường “hầu như nghịch lí với lịch sử”: Con đường hòa bình. Điều cần nhấn mạnh ở đây là để cho con đường này trở thành hiện thực, đích thân Trần Nhân Tông phải xông pha “trận mạc.” (Cung, 2010, tr.22). Nhân vật đã sang Chiêm Thành, giao hảo với con người nơi đó và đem người con gái duy nhất của mình trao gửi cho vua Chiêm Thành như một xác tín cho lòng thành và thiện chí. Ngay cả khi vua Chế Mân băng hà, công chúa Huyền Trân sắp bị đưa lên giàn hỏa thiêu rồi sau được cướp về Đại Việt, vì thấu hiểu cho đất nước bạn, Đại sĩ Trúc Lâm đã truyền đồ đệ Bảo Sát về kinh đô gấp để đề nghị vua Anh Tông cho thuyền đưa trả 300 người Chiêm Thành về nước để gián tiếp xin lỗi (Hạnh, 2023, tr.90).

Tất cả những điều trên đây đã biểu hiện rõ ràng sự thành tín, tôn trọng, và tình huynh đệ giữa hai nước Chiêm - Việt trong một mối quan hệ bình đẳng là quan tâm hàng đầu của Đại sĩ Trúc Lâm, mà Huyền Trân với tư cách là nhân vật trung tâm là người thể hiện trực tiếp nhất: Từ phản ứng mạnh mẽ trước sự việc cướp hoàng hậu của triều đình Đại Việt và âm mưu bắt cóc thế tử Dayada (Hạnh, 2023, tr.64-67) đến nỗi đau buồn vì nền hòa bình đổ vỡ (khi cuộc chinh phạt Chiêm Thành 3 năm sau ngày Đại sĩ viên tịch nổ ra) và sự cô đơn vì không ai hiểu được tâm não của Đại sĩ (Hạnh, 2023, tr.124-125).

Tóm lại, thông qua nhân vật Huyền Trân với tư cách công chúa Đại Việt - hoàng hậu nước Chiêm Thành, lí do của cuộc hôn nhân Chiêm - Việt về cơ bản đã được làm rõ và thông cảm, qua đó hóa giải những phân đôi từ chính sử vốn chịu ảnh hưởng nặng nề bởi quan niệm Hoa Di. Hơn thế nữa, trải nghiệm của công chúa Huyền Trân trên đất nước Chiêm Thành cùng với ứng xử của Trúc Lâm Đại sĩ đã nêu cao nỗ lực kiến tạo hòa bình, hòa hiếu giữa hai dân tộc trên cơ sở tình thương, tôn trọng và tình huynh đệ.

## 2.2. Thức nhận lí duyên sinh

Lí duyên sinh, duyên khởi hay nhân duyên là giáo pháp căn bản của đạo Phật. Đây là quy luật khách quan chi phối vạn hữu trong vũ trụ, được Đức Phật chứng ngộ khi Ngài tọa thiền 49 ngày đêm dưới cội bồ đề. Trong kinh điển thuộc truyền thống Nam Tông (như *Tiểu bộ*) và Bắc Tông (như *Tạp A-Hàm*), lí duyên sinh bao giờ cũng giữ một vị trí quan trọng mà hành giả tu theo đạo Phật cần phải quán sát cận kề để giải thoát sanh tử. Về cơ bản, lí duyên sinh

gồm 12 chi phần và vận hành theo nguyên lí: vì cái này có nên cái kia có, vì cái này không nên cái kia không, vì cái này sanh nên cái kia sanh, vì cái này diệt nên cái kia diệt.

Trong tác phẩm *Con sư tử vàng của thầy Pháp Tang*, thiền sư Thích Nhất Hạnh đã trình bày tóm lược cách hiểu về duyên sinh hay duyên khởi (conditioned arising) như “là sự sinh khởi của các pháp tùy trên điều kiện. Ví như một bông hoa nhờ có hạt giống, nhờ mưa, nhờ nắng, nhờ đất,... mà sinh khởi, hay có thể nói cách khác là biểu hiện ra.” (Hạnh, 2018, tr.11). Từ đây, vì nương tựa vào nhau để sinh khởi mà vạn vật gắn kết với nhau trong những mối dây phức tạp, trùng điệp và không có gì tồn tại biệt lập, tự thân. Do đó, những phân chia, ngăn cách dù ở dạng thái nào trước lí duyên sinh cũng dễ dàng bị phá vỡ và lòng từ bị được mạnh mẽ phát huy.

Trong tác phẩm *Am mây ngủ*, gắn với hành trạng của ni sư Hương Tràng như là con người giải thoát, từ những bước chuẩn bị ở giai đoạn tại gia – còn là công chúa Huyền Trân cho đến khi xuất gia tu đạo, lí duyên sinh hay duyên khởi là một đề mục quan trọng được nhân vật trung tâm chiêm nghiệm và quán sát xuyên suốt.

Trong khi chính sử không có ghi chép về ni sư Hương Tràng và thông tin gắn với danh phận này cũng chỉ được biết vồn vẹn qua nơi chốn tu hành của bà – ngôi chùa tên Hán là Quang Nghiêm tự, tên Nôm là chùa Nộn Sơn ở núi Hồ (Nam Định). Nhìn từ xuất phát điểm như thế mới thấy với một nửa dung lượng tác phẩm viết về ni sư Hương Tràng – được khắc họa tập trung trong mối tương quan giữa đời và đạo trên cơ sở lí duyên sinh, tác giả Thích Nhất Hạnh đã tái hiện cả một chặng đời sống thường bị bỏ quên của công chúa Huyền Trân, không lan man mà cụ thể, có thứ lớp và có chiều sâu triết lí.

Trước hết, từ khi còn là một người tại gia, được dẫn dắt bởi lời dạy của Trúc Lâm Đại sĩ, Huyền Trân đã có ý thức về lí duyên sinh hay là mối tương liên giữa vạn hữu. Và sự thức nhận này không phát khởi từ một tâm thái bồn chồn, phóng dật. Trái lại, vì “nhân vật công chúa Huyền Trân là người có thực tập chánh niệm và biết sống tỉnh thức trong từng giây phút hiện tại.” (Nho, 2023, tr.33) cho nên có thể thức nhận được lí duyên sinh.

Cụ thể, ngay từ đầu tác phẩm, trong không khí tịch mịch của am tranh, hơi thở chậm chậm của Huyền Trân đã được cảm nhận trong khi nhân vật nhiếp tâm nghe tiếng tụng kinh của chú tiểu Pháp Đăng vào thời công phu tối (Hạnh, 2023, tr.7). Bằng

lối kể tuần hoàn, sau dòng hồi tưởng về khoảng thời gian chưa đầy hai năm, tiếng tụng kinh lại vang lên rồi im bật, để lại khoảng không vắng lặng và Huyền Trân trải nghiệm một trạng thái tâm an định lạ thường (Hạnh, 2023, tr.72). Tại đây, nhân vật nếm trải hương vị cam lộ từ tâm định và niềm an lạc đó đã hóa thành nụ cười màu nhiệm bất ngờ sau tất cả thăng trầm biến cố:

Huyền Trân bắt giác cảm thấy vui mừng, và trong đêm tối nàng mỉm cười. Nụ cười thật màu nhiệm. Nụ cười đến một cách bất ngờ. Chưa bao giờ nàng cười một nụ cười như thế (Hạnh, 2023, tr.72).

Không bó hẹp trong thời khóa tu tập, trải nghiệm chánh niệm của Huyền Trân còn được mở rộng đến những sinh hoạt đời thường, từ ăn uống, nhìn ngắm cho đến trò chuyện với những người xung quanh (Hạnh, 2023, tr.73, 79, 86). Chính vì sống được chánh niệm, giảm bớt những phân tán và ràng buộc không cần thiết về vật chất cũng như tinh thần, Huyền Trân đã ý thức được sự diệu kì của lí duyên sinh, sự có mặt trong nhau, không chỉ ở chính mình mà còn ở người khác.

Trong lần chuyện trò với Đại sĩ Trúc Lâm trước khi về làm dâu ở Chiêm Thành, những lo lắng, buồn phiền vì phải chia xa gia đình, quê hương đã được dập tắt khi lần đầu tiên Huyền Trân nhận ra nơi bàn tay bé nhỏ của mình hiện hữu bàn tay của thượng hoàng và thái hậu, rằng bao giờ và ở đâu cha mẹ và quê hương cũng hiện diện cùng công chúa:

Huyền Trân đưa bàn tay trái của mình lên nhìn. [...] Công chúa đột nhiên phát giác ra rằng bàn tay nàng là do Thượng hoàng và Thái hậu mà có và sự có mặt của bàn tay này không khác sự có mặt của Thượng hoàng và Thái hậu. Cái thấy đến với nàng mau như một tia chớp giật. Chưa bao giờ Công chúa nhìn bàn tay mình với một cái nhìn thấu triệt đến thế (Hạnh, 2023, tr.26-27).

Đến khi trở lại Yên Tử, được chú tiểu Pháp Đăng dẫn lên núi gặp Đại sĩ, ngay nơi bàn tay đang vọc nước của Pháp Đăng, Huyền Trân cũng nhận thấy sự có mặt của đứa con Dayada, của Đại sĩ Trúc Lâm và của chính mình. Một niềm thương mến tự nhiên sinh khởi trong tâm hồn Huyền Trân (Hạnh, 2023, tr.87).

Về sau, khi đã xuất gia, tình thương mến tự nhiên ấy lại càng có điều kiện được triển nở và trở nên thuần thực nơi ni sư Hương Tràng, được thể hiện nhất quán trong cung cách hành xử của nhân vật đối với người dân trong vùng và bạn đồng tu. Cùng với sư muội Hương Nghiêm, ni sư Hương Tràng hỗ trợ dạy học cho trẻ em nghèo gần chùa, “săn sóc bọn

con nít trong làng một cách tận tình như đứa nào cũng là con của chị” (Hạnh, 2023, tr.122). Nhân vật lại đối đãi thân tình, gần gũi với gia đình bác Trực – người phụ giúp công việc trong vườn uôm của chùa, và khi có sự biến đột xuất, nhân vật cũng không quản ngại đường xa mà lặn lội tìm mời thầy thuốc giúp mẹ cụ Lợi (Hạnh, 2023, tr.111). Trong cái nhìn của các nhân vật khác (như Hương Nghiêm hay cụ Lợi), cốt cách vương giả của Hương Tràng đã biến mất và nhân vật chan hòa vào đời sống thường dân (Hạnh, 2023, tr.117, 141).

Điều đó có được là bởi trên phương diện tu tập ni sư Hương Tràng xác định rằng “giải thoát là chuyện sinh hoạt hằng ngày chứ không phải là một điều mong cầu cho tương lai. Nếu ta không sống được đạo giải thoát ngay bây giờ thì không bao giờ ta giải thoát cả.” (Hạnh, 2023, tr.118). Đó chính là tinh thần của một người sống chánh niệm, sống được trọn vẹn trong hiện tại vậy. Chính nhờ đó mà tâm từ càng được bồi đắp, trí sáng càng được tỏ rạng và niềm an lạc luôn hiện diện.

Cuối cùng, trong khi đời sống tu hành dần trở nên thuần nhất, không còn phân biệt giữa đạo pháp và đời sống, trí thức dần trở nên tinh anh, trong một khoảnh khắc của đời thường, ni sư Hương Tràng đã chứng nhập sâu sắc lý duyên sinh được ngưng kết từ sự ý thức liên tục về lý duyên sinh.

Chỉ trong khoảnh khắc chú tâm, nhân vật nhìn thấy được dòng tương sinh tương diệt, sự tương liên giữa các hiện hữu sống trong cuộc đời, từ sự có mặt của Đại sĩ Trúc Lâm trong hơi thở Hương Tràng, đến sự có mặt của bàn tay chú Pháp Đăng trong bàn tay em trai thằng cụ Lợi. Kéo theo đó là sự hiện diện của Đức Phật, đứa con Dayada trong đứa trẻ vừa mới ra đời (Hạnh, 2023, tr.174-175). Vạn sự vạn vật xoắn xuýt vào nhau, hiện hữu đồng thời trong nhau. Và rồi như một con chim sổ lồng, người tu sĩ giờ đây cũng phá rách chiếc lưới không - thời gian, mà tung đôi cánh giải thoát khi thấu triệt đời sống qua hình ảnh mẹ cụ Lợi vạch yếm cho con bú – một cảnh tượng đầy tình thương và sức sống:

Hình ảnh bàn tay nhỏ xíu của đứa trẻ đang bám chặt vào vú mẹ làm cho Hương Tràng thấy rõ mặt mũi của vạn hữu trong liên hệ duyên sinh. Đức Phật Đản sinh năm xưa ở thành Ca Tỳ La cũng là em bé giờ đây đang áp đầu vào vú mẹ. Hình bóng Dayada xa xôi bỗng nhiên cũng trở về đồng nhất với đứa bé. Hương Tràng có cảm giác chính mình, ngay trong giờ phút này, đang đưa ngực mình cho em bé bú. Bà thấy bà và u thằng Lợi là một. Bà thấy người đang đi trên núi và người đang cho con bú là một. U thằng Lợi đang cho em bé bú, nhưng người Ni sư cảm thấy

như sữa đang chảy từ ngực mình. Bao nhiêu ý thức phân biệt giữa quyền quý và bần hàn, giữa quá khứ và hiện tại, giữa phương Bắc và Phương Nam đột nhiên tan biến như sương sớm dưới ánh mặt trời (Hạnh, 2023, tr.175-176).

Trong sát na chứng nhập ấy, các tướng nhân, ngã, thọ giả, chúng sanh, (tức là bốn tướng sai lầm, hư huyền do tưởng si mê chấp thủ vào một chủ thể hay bản ngã mà sanh ra) vỡ tan tành, các trạng thái phân biệt cũng tan biến theo. Vạn hữu không sanh không diệt, không xa không gần, không đến không đi, không trước không sau, không đầu không cuối như bài kệ mà Đại sĩ Trúc Lâm đọc trước lúc thị tịch: “Mọi pháp đều không sinh/ Mọi pháp đều không diệt/ Nếu hiểu được điều đó/ Thì thấy Phật trước mặt” (Hạnh, 2023, tr.168). Có lẽ trong mắt Hương Tràng lúc này ai cũng là một đức Như Lai cả (Hạnh, 2023, tr.178).

Như vậy, từ nhận thức lý duyên sinh đến chứng nhập lý duyên sinh, mọi thành quả tu tập của Hương Tràng đều lấy tâm làm căn bản, lấy đời sống làm đạo tràng. Một hình ảnh táo bạo, đầy tinh thần phá chấp – vạch yếm cho con bú như là nguyên có trực tiếp của sự ngộ đạo đã được tác giả Thích Nhất Hạnh trình hiện một cách sống động. Qua đó, tác phẩm xác quyết tính bất nhị giữa đời sống và đạo pháp, giữa “cư trần” và “lạc đạo” mà trong *Am mây ngủ*, nhân vật ni sư Hương Tràng là đại biểu trung tâm. Tóm lại, với nhân vật Hương Tràng, thiền sư Thích Nhất Hạnh không chỉ tái hiện được một danh phận khác của công chúa Huyền Trân trong đời tu mà đồng thời còn xiển dương tinh thần nhập thế, vẻ đẹp sống động, vô ngại của đạo Phật.

### 3. KẾT LUẬN

Qua những trình bày ở trên, có thể thấy từ sử liệu có phần ít ỏi về Huyền Trân, với *Am mây ngủ*, thiền sư Thích Nhất Hạnh trước hết đã tái hiện được một nhân vật lịch sử có thật một cách khá linh động với những tương tác chông chéo giữa yêu cầu thời đại và lựa chọn cá nhân. Trong khi trải nghiệm làm dâu trên đất Chiêm Thành có ý nghĩa đối thoại tích cực với chính sử về lý do của cuộc hôn nhân, thì đời sống tu hành của ni sư Hương Tràng lại là một bổ khuyết quan trọng cho chặng đời ít được biết đến của nhân vật. Thứ đến, tương ứng với hai danh phận ấy, nhân vật Huyền Trân trong tác phẩm đã thành công trong việc hóa giải quan niệm Hoa Di, nêu cao tình huynh đệ và phát dương một đời sống tinh thức thấm đượm từ bi trên cơ sở lý duyên sinh. Trên thực tế, mặc dù tồn tại những đoạn viết rời rạc, mang tính liệt kê theo chính sử, *Am mây ngủ* về cơ bản đã trao quyền lên tiếng cho những nhân vật “yếu thế”. Điều này đã cho

phép người đọc tri nhận về một lịch sử đa diện, đa cảm hơn, đồng thời hướng đến sự thấu hiểu, tôn

trọng, tình thương và tinh thức trong mỗi tương liên phức tạp mà kì diệu.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cung, L. (2010). Trần Nhân Tông với sự nghiệp mở nước. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, 4, 20-25.
- Dương, P. Đ. (2005). Nốt nhạc thiền hòa hiếu trong quan hệ Đại Việt và Chăm Pa thời Trần Nhân Tông. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh - Khoa học Xã hội*, 4(5), 63-67.
- EBSCO. (2013). *Ethnocentrism*. <https://www.ebsco.com/research-starters/ethnic-and-cultural-studies/ethnocentrism>
- Đức, T. Q. (2013). *Ngàn năm áo mũ*. Nhà xuất bản Thế giới, Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam.
- Hạnh, T. N. (2018). *Con sư tử vàng của thầy Pháp Tạng*. Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Hạnh, T. N. (2023). *Am mây ngủ*. Nhà xuất bản Thế Giới, Công ty TNHH MTV Sách Phương Nam.
- Khải, N. Q. (2023). Phật giáo thời Trần và Huyền Trân công chúa. *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, 1, 44-48.
- Khôi, C. M. (2022). *Huyền Trân công chúa và cuộc bang giao Đại Việt - Chăm-pa*. <https://giacngo.vn/huyen-tran-cong-chua-va-cuoc-bang-giao-dai-viet-cham-pa-post61652.html>
- Liên, N. S. (2011). *Đại Việt sử ký toàn thư* (Hoàng Văn Lâu dịch và chú thích, GS. Hà Văn Tấn hiệu đính, PGS. Ngô Đức Thọ chỉnh lý và bổ sung). Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
- Nho, H. T. N. (2023). Tinh thần Phật giáo dân thân trong *Am mây ngủ* của Thích Nhất Hạnh. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Hiến*, 9(2), 25-37. <https://doi.org/10.58810/vhujs.9.2.2023.657>
- Phan, V. N. (2023). *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn học.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục (Tập 1)*. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Sử học. Nhà xuất bản Giáo dục.
- Tâm, N. T. T. (2024). Tư tưởng của Trần Nhân Tông về lãnh đạo. *Tạp chí Lãnh đạo và Chính sách*, 5, 38-52.
- Thoại, N. G. (1959). *Những thi thoại về Huyền Trân công chúa*. <http://elib.hcmussh.edu.vn/handle/HCMUSSH/52550>